

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Giảng viên biên soạn

- Họ và tên: **Lê Hoàng Hương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - Tp TH
- Điện thoại: 0906223336
- Email: lehoanhuong@hdu.edu.vn

1.2. Giảng viên giảng dạy học phần

1. Lục Thị Mỹ Bình

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0983284018
- Email: lucthimybinh@hdu.edu.vn

2. Trịnh Thị Thu Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0967620280
- Email: trinhtuhabk@gmail.com

3. Lưu Văn Hậu

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc Sĩ Tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0988203405
- Email: luuvanhau81@gmail.com

4. Lê Thị Thu Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0904.670789
- Email: lenthithuhuyen@hdu.edu.vn

5. Lê Hoàng Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: ThS. tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức – 565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0906223336
- Email: lehoanhuong@hdu.edu.vn

6. Lê Thị Hương C

- Chức danh, học hàm, học vị: ThS. tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức –565 Quang Trung – P. Đông Vệ - TPTH
- Điện thoại: 0913213565
- Email: huongan268@gmail.com

7. Nguyễn Thanh Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức –565 Quang Trung – P. Đông Vệ -TPTH
- Điện thoại: 0936086678
- Email: teacher_minh@yahoo.com

8. Lê Thị Thanh Tâm

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức –565 Quang Trung – P. Đông Vệ - Tp TH
- Điện thoại: 0983838608
- Email: letam.hdu@yahoo.com

9. Hoàng Kim Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức –565 Quang Trung – P. Đông Vệ -TPTH
- Điện thoại: 0989930777
- Email: hoangkimthuyk6@gmail.com

10. Nguyễn Huy Tậu

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ tiếng Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Hồng Đức –565 Quang Trung – P. Đông Vệ -TPTH
- Điện thoại: 0912943347
- Email: nguyenhuyttau@hdu.edu.vn

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2
- Số tín chỉ : 3
- Học kỳ: 3
- Học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: SV đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1
- Các học phần kế tiếp: Tiếng Anh 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động
 - Nghe giảng lý thuyết: **27 tiết**
 - Bài tập và thảo luận: **36 tiết**
- + Đánh giá thường xuyên: KTĐG được tiến hành trong suốt thời gian dạy – học môn học, trong giờ lý thuyết, giờ bài tập, thảo luận, kể các giờ tự học, làm bài tập về nhà....
- + Kiểm tra – đánh giá định kỳ (KTĐGDK) gồm:
 - Kỹ năng Nghe
 - Kỹ năng Nói
 - Kỹ năng Đọc hiểu
 - Kỹ năng Viết
 - Bài tập cá nhân/ nhóm.
 - Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ: 1 bài gồm 3 kỹ năng Nghe, Đọc và Viết.
 - Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: 1 bài gồm 2 kỹ năng Đọc và Viết.
 - Tự học và Nghiên cứu: **126 giờ** (1 giờ trên lớp ứng với 2 giờ tự học /NC)

Địa chỉ của Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ Không chuyên - Khoa Ngoại Ngữ - Đại học Hồng Đức.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu chung

Sinh viên có thể:

- Rèn luyện vốn từ vựng, cấu trúc câu và kiến thức xã hội liên quan đến các chủ đề của bài học .
- Giao tiếp hiệu quả trong các tình huống phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày;
- Kết thúc học phần, sinh viên đạt mức điểm tương đương trình độ Mức 1 Bậc 3/6 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ Việt Nam. Cụ thể về các lĩnh vực kiến thức sau:

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm được các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh

* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản gồm thì của động từ, gồm: hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành, tương lai hoàn thành tiếp diễn. Ngoài ra còn có các cấu trúc câu với Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to; Be/get used to something

(I'm used to...); Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something; Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though In spite of / despite, Even. Thêm vào đó là các dạng câu như: câu điều kiện loại 1, 2, 3; câu bị động, câu trực tiếp, câu giả định; mệnh đề quan hệ xác định và không xác định.

* **Từ vựng**

Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Sử dụng lượng từ vựng đủ để giao tiếp trong các tình huống từ đơn giản chuyển dần sang đến phức tạp.

3.2.2. **Kỹ năng**

* **Kỹ năng nghe**

Kết thúc học phần, sinh viên có thể: từng bước chuyển sang nghe hiểu nâng cao, bao gồm: nghe hiểu từ khoá, hiểu và nhận biết được các thông tin trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài/ TV, thông báo hay chỉ dẫn.

* **Kỹ năng nói**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể: giao tiếp được trong những tình huống quen thuộc với các chủ đề nói cụ thể như sau:

- Phỏng vấn các thông tin cá nhân
- Mô tả hình thức và tính cách một người
- Kể về một kỳ nghỉ
- Mô tả một bức ảnh/bức tranh yêu thích
- Nói về dự định cho tương lai
- Lên kế hoạch một chuyến du lịch
- Nói về sở thích (mua sắm...)
- Nói về thói quen ăn uống, sinh hoạt hàng ngày
- Kể lại một giấc mơ

* **Kỹ năng đọc**

Kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Đọc hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc, gồm: đọc hiểu nội dung chính, đọc lấy thông tin, đọc và xác định thông tin đúng/sai và đọc và đoán nghĩa của từ mới dựa trên văn cảnh.

* **Kỹ năng viết**

Kết thúc học phần, sinh viên có thể viết các dạng văn bản như đoạn văn miêu tả, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... theo các chủ đề viết cụ thể như sau:

- Giới thiệu bản thân
- Mô tả hình thức và tính cách một người
- Kể lại một kỳ nghỉ
- Mô tả một bức ảnh/bức tranh yêu thích
- Viết về dự định cho tương lai
- Viết về kế hoạch một chuyến du lịch
- Viết về sở thích (mua sắm...)
- Viết về thói quen ăn uống, sinh hoạt hàng ngày
- Kể lại một giấc mơ

• Các nhóm kỹ năng khác

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn học.

3.2.3. Thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition)

- Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA
- Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

Present perfect vs. past simple tense

Present perfect continuous

Present perfect continuous or present perfect simple

Past perfect

Past perfect continuous

Future perfect and future perfect continuous

Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to

Conditional sentences type 1 and 2

Conditional sentences type 3

Subjunctive

Passive

Reported speech

-ing and the infinitive

Be/get used to something (I'm used to...)

Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something

Defining relative clauses

Non-defining relative clauses

Still and yet , Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though In spite of / despite, Even

- Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

- Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3 rd Edition*. Oxford University Press.

- Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 11 tuần.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Các tiêu mục
Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous	- Kiến thức ngữ pháp: + Định nghĩa + Cấu trúc + Cách sử dụng + Phân biệt cách sử dụng của một số cặp thì tương đồng + Bài tập luyện tập
Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1 Subjunctive Passive	- Kiến thức ngữ pháp: + Định nghĩa + Cấu trúc + Cách sử dụng + Bài tập luyện tập
Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses	- Kiến thức ngữ pháp: + Định nghĩa + Cấu trúc + Cách sử dụng + Bài tập luyện tập
Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though In spite of / despite, Even – Review 2;	- Kiến thức ngữ pháp: + Định nghĩa + Cấu trúc + Cách sử dụng + Bài tập luyện tập
<p style="text-align: center;">1A. Where are you from?</p>	- Các kĩ năng + Listening and Speaking: - Listen & repeat the Free Time questions (p.4) + Listening & Writing: - Listen & write the numbers (p.5) + Speaking: - Interview partner and complete the form (e p.5) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: Vowel sounds, the alphabet (3 p.5) + Grammar : Word order in questions (2a p.5 & Grammar bank 1A p.126) + Vocabulary: Common verb phrases, spelling and numbers (4 p.5)

<p style="text-align: center;">1B. Charlotte's choice</p>	<p>- Các kĩ năng + Listening: - Listen and tick correct picture (1 p.6) - Listen and answer questions about Charlotte and Alexander (4 p.7) + Reading: <i>Who knows you better – your mother or your best friend?</i> (2 p.6) - Read and answer questions + Speaking & Writing - Ask and answer questions about people (6 p.7) - Write a description of a person you know (<i>Describing a person</i> p.111) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: final -s / -es (5 p.7) + Grammar: Present simple (3a p.7; Grammar bank 1B p.126) + Vocabulary: Describing people: appearance and personality (Vocabulary bank p.150)</p>
<p style="text-align: center;">1C. Mr. and Mrs. Clark and Percy</p>	<p>- Các kĩ năng + Listening: Listen and mark the sentences True (T) or False (F) (4 p.8) + Speaking: Describe a picture (6 p.9) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: the alphabet, [ə] and [ə:] (2 p.8; Sound bank p.166) + Grammar: Present continuous (3 p.8; Grammar bank 1 C p.126) + Vocabulary: Clothes, prepositions of place (Clothes: Vocabulary bank p.151; Prepositions of place: 5 p.9)</p>
<p style="text-align: center;">2A. Right place, wrong person</p>	<p>- Các kĩ năng + Reading & speaking: - Read and answer questions, then tell partners about Joe's and Laura's holiday: <i>The place is perfect, the weather is wonderful</i> (2 p.12) + Listening: - Listen and answer questions about Mia and Linda's holidays (3 p.13) + Speaking: - Ask and answer questions about <i>Your last holiday</i> (6 p.13) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : regular verbs: -ed endings (5 p.13) + Grammar: Past simple: regular and irregular verbs (4 p.13; Grammar bank 2A p.128) + Vocabulary: holidays (Vocabulary bank p.152)</p>

<p style="text-align: center;">2 B. The story behind the photo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions about <i>A moment in history</i> (p.14) + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen and choose the best options A, B or C to fill in the missing information about the article "<i>The image that cost a fortune</i>" + Speaking & Writing: <ul style="list-style-type: none"> - Talk about photos (6 p.15) - Write a description of your favourite photo (p.112) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: sentence stress (4 p.15) + Grammar: Past continuous (2 p.14; Grammar bank 2B p.128) + Vocabulary: Prepositions of time and place: at, in, on (3 p.14, Vocabulary bank: part 1, p.153)
<p style="text-align: center;">2 C. One dark October evening</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading, Speaking and listening (4 p.17) - Read the story of Hannah and Jamie, - Use pictures to re-tell the story - Listen and answer questions about the ending of the story - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: word stress (2 p.17) + Grammar: time sequences and connectors (1 p.16; Grammar bank 2C p.128) + Vocabulary: verb phrases (3 p.17)
<p style="text-align: center;">Revise & Check 1&2</p>	<p style="text-align: center;">- Bài tập ôn tập p.18-19</p>
<p style="text-align: center;">Mid-term test</p>	<p style="text-align: center;">- Kiểm tra ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc, viết</p>
<p style="text-align: center;">3A. Plans and dreams</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Listening <ul style="list-style-type: none"> - Listen and answer questions about Olivia, Matthew and Lily's plans (2 p.20) + Reading <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions about <i>Top airports in the world</i> (5 p.21) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : Sentence stress and fast speech (4 p.21) + Grammar: be going to (plans and predictions) (3 p.21; Grammar bank 3A p.130) + Vocabulary: airports (1 p.20)

<p style="text-align: center;">3 B. Let's meet again</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading & listening: <ul style="list-style-type: none"> - Read Facebook messages and number them in order (1 p.22) - Listen to Lily's message and complete her flight details (1 p.22) + Writing: <ul style="list-style-type: none"> - Write an email about travel arrangements (<i>An informal email</i> p.113) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : Sounding friendly (3 p.23) + Grammar: Present continuous (future arrangements) (2 p.23; Grammar bank 3B p.130) + Vocabulary: verbs + prepositions (4 p.23; Vocabulary bank: part 2 p.153)
<p style="text-align: center;">3C. What's the word?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen and answer questions about a TV game show (1 p.24) + Speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Play the game "What's the word?" with partners (Communication A p.101, B p.107) + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read the article "900 new words in three months" and match highlighted new words with their definitions. - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : Pronunciation in a dictionary (6 p.25) + Grammar: Defining relative clauses (2 p.24; Grammar bank 3C p.130) + Vocabulary: Expressions for paraphrasing (3 p.24)
<p style="text-align: center;">4 A. Parents and teenagers</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions about the article <i>Teenagers have annoying habits – but so do their parents!</i> (1 p.28) + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen and answer questions about parts of a radio programme (5 p.29) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: [j] and /dʒ/ (4 p.29, Communication <i>Has he done it yet?</i> P.101) + Grammar: Present perfect + yet, just, already (3 p.28; Grammar bank 4A p.132) + Vocabulary: housework, make or do? (Vocabulary bank p.154)

<p style="text-align: center;">4 B. Fashion and shopping</p>	<p>- Các kĩ năng + Reading: - Read the introduction for an interview “The style interview” and complete the gaps (1 p.30) + Listening: - Listen to four people answering the question <i>Have you ever bought something that you’ve never worn?</i> And number persons. (3 p.31) + Speaking: - Ask partners the question beginning with “Have you ever....?” (6 p.31) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: c and ch (5 p.31) + Grammar: Present perfect or past simple (1) (2 p.31; Grammar bank 4B p.132) + Vocabulary: Shopping (4 p.31; Vocabulary bank p.155)</p>
<p style="text-align: center;">4 C. Lost weekend</p>	<p>- Các kĩ năng + Listening: - Listen and answer questions about a new story about Sven (1 p.32) + Reading: - Read and answer questions about the article “What did you really do at the weekend?” (4 p.32-33) + Speaking: - Interview partners about what they did last weekend (5 p.33) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: /e/, /əʊ/, /ʌ/ (3 p.32) + Grammar: something, anything, nothing, etc. (2 p.32; Grammar bank 4C p.132) + Vocabulary: adjectives ending –ed and –ing (6 p.33)</p>
<p style="text-align: center;">Revise & check 3&4</p>	<p>- Bài tập ôn tập p.34-35</p>
<p style="text-align: center;">Progress test</p>	<p>Bài kiểm tra tổng hợp 3 kĩ năng Nghe, Đọc, Viết</p>
<p style="text-align: center;">5A. No time for anything</p>	<p>- Các kĩ năng + Reading: - Read the article <i>We’re living faster, but are we living better?</i> And match the headings to the paragraphs + Speaking: - Talk about how your life has changed over the last 3-5 years (4 p.37) + Listening: - Listen to an expert talking about how to live your life more slowly and fill in the missing words. (5 p.37) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: sentence stress (3 p.37) + Grammar : comparative adjectives and adverbs, as...as (2 p.37; Grammar bank 5A p.134) + Vocabulary: time expressions (1 p.36)</p>

<p style="text-align: center;">5B. Superlative cities</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading & speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions about the article “All capital cities are unfriendly – or are they?” - Communication: The friendliest city A p.102 B.107 C p.110 + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen to Tim Moore talking about what happened in London and answer questions (4 p.39) + Writing: <ul style="list-style-type: none"> - Write a description of the place where you live (p.114) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: word and sentence stress (2 p.38) + Grammar: superlatives (+ ever + present perfect) (1 p.38 ; Grammar bank 5B p.134) + Vocabulary: Describing a town or city (Vocabulary bank p.156)
<p style="text-align: center;">5 C. How much is too much?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Do the questionnaire about diet and lifestyle (1 p.40) + Reading & listening: <ul style="list-style-type: none"> - Read the article <i>Everything bad is good for you</i> and guess meaning of highlighted words (2 p.40) - Listen and answer questions about the article (2 p.41) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: /ʌ/, /u:/, /ai/, and /e/ (4 p.41) + Grammar: quantifiers, too, not enough (3 p.41; Grammar bank 5C p.134) + Vocabulary: health and the body
<p style="text-align: center;">6 A. Are you a pessimist?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read the article <i>A pessimist plays a pessimist</i> and mark the sentences True (T) or False (F) + Listening & speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Listening to a radio programme and fill in missing information (5 p.45) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: ‘ll, won’t (3 p.44) + Grammar: Will/won’t (predictions) (1 p.44; Grammar bank 6A p.136) + Vocabulary: Opposite verbs (Vocabulary bank p.157)

<p style="text-align: center;">6 B. I'll never forget you</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading, speaking & listening: (3, p.47) - Read and answer questions about the article <i>I'll never forget you</i> - Talk with partners about decisions, offers, promises - Listen to a news programme and answer questions. - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: word stress, two-syllable verbs (2 p.46) + Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises) (1 p.46; Grammar bank 6B p.136) + Vocabulary: Verb + back (4 p.47)
<p style="text-align: center;">6C. The meaning of dreaming</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading & listening (1 p.48) - Listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams. Number the pictures 1-6 in the correct order. Complete the gaps. - Read and match dreams with interpretations, then listen to Dr Allen interpreting patients' dreams. + Speaking: - Roleplay interpreting partners' dreams (3 p.49); Communication Dreams A p.103 B.108) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: the letter ow (4 p.49) + Grammar: Reviewing of verb forms: present, past, future (2 p.49; Grammar bank 6C p.136) + Vocabulary: Adjectives + prepositions (5 p.49)
<p style="text-align: center;">Revise & Check 5&6</p>	<p style="text-align: center;">- Bài tập ôn tập p.50-51</p>
<p style="text-align: center;">Progress test 2</p>	<p style="text-align: center;">Bài kiểm tra tổng hợp 3 kĩ năng Nghe, Đọc, Viết</p>

6. Học liệu

* Học liệu bắt buộc (HLBB)

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File-Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết (chủ biên). 2016. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (quyển 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

* Học liệu tham khảo (HLTK)

1. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa
2. Bộ sách "The Com-mon European Framework"

7. Hình thức tổ chức dạy – học

7.1 Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						Tổng
	Lý thuyết (1)	Làm việc nhóm/TL	Bài tập/ TH	Tự học, tự N/C	Tư vấn của GV	KT- ĐG	
- Present perfect vs. past simple tense + Present perfect continuous	1	0,5	0,5	12	12		6 tiết
- Present perfect continuous or present perfect simple + Past perfect	1	0,5	0,5				
- Past perfect continuous + Future perfect and future perfect continuous	1	0,5	0,5				
- Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to + Conditional sentences type 1 and 2	1	0,5	0,5	12	12		6 tiết
- Conditional sentences type 3 + Review 1	1	0,5	0,5				
- Subjunctive + Passive	1	0,5	0,5				
- Reported speech + -ing and the infinitive	1	0,5	0,5	12	12		6 tiết
- Be/get used to something (I'm used to...) + Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something	1	0,5	0,5				
- Defining relative clauses + Non-defining relative clauses	1	0,5	0,5				
Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though In spite of / despite, Even – Review 2;	1	0,5	0,5	12	12		2 tiết
- Bài 1 A,B	2	1	1				4 tiết
- Bài 1C	1	0,5	0,5	12	12		2 tiết
- Bài 2 A, B	2	1	1				4 tiết

- Bài 2 C - Revise & Check 1&2 - Mid-term test - Bài 3 A	1 1	0,5 0,5 0,5	0,5 1 0,5 0,5	12 12	12 12		2 tiết 1 tiết 1 tiết 2 tiết
- Bài 3 B,C - Bài 4 A	2 1	1 0,5	1 0,5	12 12	12 12		4 tiết 2 tiết
- Bài 4 B,C - Revise & Check 3&4	2	1 1	1 1	12	12		4 tiết 2 tiết
- Progress test 1 - Bài 5 A,B,C	2	0,5 2	0,5 1	12	12		1 tiết 5 tiết
- Bài 6 A,B,C	3	2	1	12	12		6 tiết
- Revise & Check 5&6 - Progress test 2		1	1 1	6	6		2 tiết 1 tiết
Cộng	27	18	18	126	126		63 tiết

* Lưu ý: - Số giờ ở các cột 4 và 5 không tính vào tổng số giờ thực hiện trên lớp

7.2. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể

TUẦN 1: Present perfect vs. past simple tense; Present perfect continuous; Present perfect continuous or present perfect simple; Past perfect; Past perfect continuous; Future perfect and future perfect continuous

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết 1 tiết 1 tiết	- Present perfect vs. past simple tense - Present perfect continuous + khái niệm, + phân loại, + vị trí, + vai trò - Present perfect continuous or present perfect simple - Past perfect + khái niệm, + phân loại, + vị trí, + vai trò - Past perfect continuous + khái niệm, + phân loại, + vị trí, + vai trò - Future perfect and future perfect continuous	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	Tham khảo HLBB2 Phần 1,2,3,4,5,6	
Thảo luận nhóm	1,5 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/Thực hành	1,5 tiết	- Bài tập luyện HLBB2 Phần 1,2,3,4,5,6	Luyện tập		
Tự học	4 tiết	- Làm bài tập về nhà HLBB2 Phần 1,2,3,4,5,6	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
KT-ĐG					
Tư vấn	4 tiết	GV giải đáp các câu hỏi khó trong phần bài tập luyện HLBB2 Phần 1,2,3,4,5,6		Bài tập khó cần hỏi GV	

TUẦN 2:

Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to

Conditional sentences type 1 and 2

Conditional sentences type 3

Review 1

Subjunctive

Passive

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết 1 tiết 1 tiết	- Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to - Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1 Subjunctive Passive	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	Tham khảo HLBB2 Phần 7,8,10,11,12,13	
Thảo luận nhóm	1,5 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	1,5 tiết	Bài tập luyện HLBB2 Phần 7,8,10,11,12,13	Luyện tập		
Tự học	4 tiết	Làm bài tập về nhà HLBB2 Phần 7,8,10,11,12,13	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
KT-ĐG					
Tư vấn	4 tiết	GV giải đáp các câu hỏi khó trong phần bài tập luyện HLBB2 Phần 7,8,10,11,12,13		Bài tập khó cần hỏi GV	

TUẦN 3:

Reported speech

-ing and the infinitive

Be/get used to something (I'm used to...)

Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết 1 tiết 1 tiết	Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something;	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	Tham khảo HLBB2 Phần 14,15,16,17,18,19	
Thảo luận nhóm	1,5 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/Thực hành	1,5 tiết	Bài tập luyện HLBB2 Phần 14,15,16,17,18,19	Luyện tập		
Tự học	5 tiết	Làm bài tập về nhà HLBB2 Phần 14,15,16,17,18,19	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
KT-ĐG					
Tư vấn	5 tiết	GV giải đáp các câu hỏi khó trong phần bài tập luyện HLBB2 Phần 14,15,16,17,18,19		Bài tập khó cần hỏi GV	

TUẦN 4:

Defining relative clauses

Non-defining relative clauses

Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though In spite of / despite,

Even – Review 2; - Bài 1 A,B

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết 1 tiết 2 tiết 2 tiết	<p>1. Defining relative clauses Non-defining relative clauses - Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though/ In spite of / despite, Even</p> <p>2. Review 2</p> <p>3. Bài 1 A - Các kĩ năng + Listening and Speaking: - Listen & repeat the Free Time questions (p.4) + Listening & Writing: - Listen & write the numbers (p.5) + Speaking: - Interview partner and complete the form (e p.5) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: Vowel sounds, the alphabet (3 p.5) + Grammar : Word order in questions (2a p.5 & Grammar bank 1A p.126) + Vocabulary: Common verb phrases, spelling and numbers (4 p.5)</p> <p>4. Bài 1 B - Các kĩ năng + Listening: - Listen and tick correct picture (1 p.6) - Listen and answer questions about Charlotte and Alexander (4 p.7) + Reading: <i>Who knows you better – your mother or your best friend?</i> (2 p.6) - Read and answer questions + Speaking & Writing</p>	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB2 Phần 9,20 - Tham khảo HLBB1 Bài 1A, B	

		<ul style="list-style-type: none"> - Ask and answer questions about people (6 p.7) - Write a description of a person you know (<i>Describing a person</i> p.111) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: final -s / -es (5 p.7) + Grammar: Present simple (3a p.7; Grammar bank 1B p.126) + Vocabulary: Describing people: appearance and personality (Vocabulary bank p.150) 			
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	2 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập HLBB2 Phần 9,20 - Bài tập HLBB1 Bài 1A - Bài tập HLBB1 Bài 1B 	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Làm bài tập về nhà HLBB2 Phần 9,20; Bài tập workbook HLBB1 Bài 1A,B	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
KT-ĐG					
Tư vấn	6 tiết	Cách học từ vựng tiếng Anh hiệu quả		Trình bày khó khăn khi học từ vựng tiếng Anh	

TUẦN 5: Bài 1C; 2 A,B

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	<p>2 tiết</p> <p>2 tiết</p> <p>2 tiết</p>	<p>1. Bài 1C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Listening: Listen and mark the sentences True (T) or False (F) (4 p.8) + Speaking: Describe a picture (6 p.9) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: the alphabet, [ə] and [ə:] (2 p.8; Sound bank p.166) + Grammar: Present continuous (3 p.8; Grammar bank 1 C p.126) + Vocabulary: Clothes, prepositions of place (Clothes: Vocabulary bank p.151; Prepositions of place: 5 p.9) <p>2. Bài 2A</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading & speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions, then tell partners about Joe's and Laura's holiday: <i>The place is perfect, the weather is wonderful</i> (2 p.12) + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen and answer questions about Mia and Linda's holidays (3 p.13) + Speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Ask and answer questions about <i>Your last holiday</i> (6 p.13) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : regular verbs: -ed endings (5 p.13) + Grammar: Past simple: regular and irregular verbs (4 p.13; Grammar bank 2A p.128) + Vocabulary: holidays (Vocabulary bank p.152) <p>3. Bài 2B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read and answer questions about <i>A moment in history</i> (p.14) + Listening: <ul style="list-style-type: none"> - Listen and choose the best options A, B or C to fill in the missing information about the article "<i>The image that cost a fortune</i>" 	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB1 Bài 1C, 2A, 2B	

		+ Speaking & Writing: - Talk about photos (6 p.15) - Write a description of your favourite photo (p.112) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: sentence stress (4 p.15) + Grammar: Past continuous (2 p.14; Grammar bank 2B p.128) + Vocabulary: Prepositions of time and place: at, in, on (3 p.14, Vocabulary bank: part 1, p.153)			
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	1 tiết	- Bài tập HLBB1 Bài 1C - Bài tập HLBB1 Bài 2A - Bài tập HLBB1 Bài 2B	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 1C, 2B, 2C	Ôn luyện	Làm bài tập	
KT-ĐG					
Tư vấn	6 tiết	Kỹ thuật làm bài Đọc hiểu		Trình bày khó khăn khi làm bài Đọc hiểu	

TUẦN 6: Bài 2 C; Revise & Check 1&2; Progress test 1; Bài 3 A

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	2 tiết 1 tiết 1 tiết 2 tiết 1 tiết	<p>1. Bài 2C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ năng + Reading, Speaking and listening (4 p.17) - Read the story of Hannah and Jamie, - Use pictures to re-tell the story - Listen and answer questions about the ending of the story - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: word stress (2 p.17) + Grammar: time sequences and connectors (1 p.16; Grammar bank 2C p.128) + Vocabulary: verb phrases (3 p.17) <p>2. Revise & check 1&2</p> <p>3. Progress test 1</p> <p>4. Bài 3A</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ năng + Listening - Listen and answer questions about Olivia, Matthew and Lily's plans (2 p.20) + Reading - Read and answer questions about <i>Top airports in the world</i> (5 p.21) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation : Sentence stress and fast speech (4 p.21) + Grammar: be going to (plans and predictions) (3 p.21; Grammar bank 3A p.130) + Vocabulary: airports (1 p.20) 	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB1 Bài 2C, 3A, Revise and check 1&2	
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/Thực hành	2 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập HLBB1 Bài 2C - Bài tập HLBB1 Bài 3A 	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 3A,B,C	Ôn luyện	Làm bài tập	
KT-ĐG	1 tiết	Progress test 1			
Tư vấn	6 tiết	Kỹ thuật làm bài Nghe hiểu		Trình bày khó khăn khi làm bài Nghe hiểu	

		<p>- Listen and answer questions about parts of a radio programme (5 p.29)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ</p> <p>+ Pronunciation: [j] and /dʒ/ (4 p.29, Communication <i>Has he done it yet?</i> P.101)</p> <p>+ Grammar: Present perfect + yet, just, already (3 p.28; Grammar bank 4A p.132)</p> <p>+ Vocabulary: housework, make or do? (Vocabulary bank p.154)</p>			
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	1 tiết	<p>- Bài tập HLBB1 Bài 3B</p> <p>- Bài tập HLBB1 Bài 3C</p> <p>- Bài tập HLBB1 Bài 4A</p>	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 3B, 3C, 4A	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
KT-ĐG					
Tư vấn	6 tiết	Phương pháp làm việc nhóm			

TUẦN 8: Bài 4B,C; Revise and check 3&4

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	2 tiết 2 tiết 2 tiết	<p>1. Bài 4B</p> <p>- Các kĩ năng</p> <p>+ Reading: Read the introduction fo an interview “The style interview” and complete the gaps (1 p.30)</p> <p>+ Listening: Listen to four people answering the question <i>Have you ever bought something that you’ve never worn?</i> And number persons. (3 p.31)</p> <p>+ Speaking: Ask partners the question beginning with “Have you ever....?” (6 p.31)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ</p> <p>+ Pronunciation: c and ch (5 p.31)</p> <p>+ Grammar: Present perfect or past simple (1) (2 p.31; Grammar bank 4B p.132)</p> <p>+ Vocabulary: Shopping (4 p.31; Vocabulary bank p.155)</p> <p>2. Bài 4C</p> <p>- Các kĩ năng</p> <p>+ Listening: Listen and answer questions about a new story about Sven (1 p.32)</p> <p>+ Reading: Read and answer questions about the article “ What did you really do at the weekend?” (4 p.32-33)</p> <p>+ Speaking: Interview partners about what they did last weekend (5 p.33)</p> <p>- Kiến thức ngôn ngữ</p> <p>+ Pronunciation: /e/, / əʊ/, /ʌ/ (3 p.32)</p> <p>+ Grammar: something, anything, nothing, etc. (2 p.32; Grammar bank 4C p.132)</p> <p>+ Vocabulary: adjectives ending –ed and –ing (6 p.33)</p> <p>3. Revise and check 3&4</p>	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB1 Bài 4B,C; Revise and check 3&4	
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	2 tiết	- Bài tập HLBB1 Bài 4B,C, Revise and check 3&4	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 4 B,C	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
Tư vấn	6 tiết	Kỹ thuật thi Kỹ năng Nói tiếng Anh		Khó khăn khi Nói tiếng Anh	

		+ Reading & listening: - Read the article <i>Everything bad is good for you</i> and guess meaning of highlighted words (2 p.40) - Listen and answer questions about the article (2 p.41) Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: /ʌ/, /u:/, /ai/, and /e/ (4 p.41) + Grammar: quantifiers, too, not enough (3 p.41; Grammar bank 5C p.134) + Vocabulary: health and the body			
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	1 tiết	- Bài tập HLBB1 Bài 5A,B,C	Luyện tập		
Tự học	6 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 5 A,B,C	Ôn luyện	Làm bài tập	
KT-ĐG	1 tiết	Progress test 1			GV tự chuẩn bị
Tư vấn	6 tiết	Kỹ thuật Viết đoạn văn miêu tả tiếng Anh		Khó khăn khi viết văn miêu tả	

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Mục tiêu cụ thể	Yêu cầu SV chuẩn bị	Ghi chú
Lý thuyết	1 tiết 1 tiết 1 tiết	<p>1. Bài 6A</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các kĩ năng + Reading: <ul style="list-style-type: none"> - Read the article <i>A pessimist plays a pessimist</i> and mark the sentences True (T) or False (F) + Listening & speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Listening to a radio programme and fill in missing information (5 p.45) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: ‘ll, won’t (3 p.44) + Grammar: Will/won’t (predictions) (1 p44; Grammar bank 6A p.136) + Vocabulary: Opposite verbs (Vocabulary bank p.157) <p>2. Bài 6B</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các kĩ năng + Reading, speaking & listening: (3, p.47) - Read and answer questions about the article <i>I’ll never forget you</i> - Talk with partners about decisions, offers, promises - Listen to a news programme and answer questions. - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: word stress, two-syllable verbs (2 p.46) + Grammar: Will/won’t (decisions, offers, promises) (1 p46; Grammar bank 6B p.136) + Vocabulary: Verb + back (4 p.47) <p>3. Bài 6C</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kĩ năng + Reading & listening (1 p.48) - Listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams. Number the pictures 1-6 in the correct order. Complete the gaps. - Read and match dreams with interpretations, then listen to Dr Allen interpreting patients’ dreams. + Speaking: <ul style="list-style-type: none"> - Roleplay interpreting partners’ dreams (3 p.49); Communication Dreams A p.103 B.108) - Kiến thức ngôn ngữ + Pronunciation: the letter ow (4 p.49) + Grammar: Reviewing of verb forms: present, past, future (2 p.49; Grammar bank 6C p.136) + Vocabulary: Adjectives + prepositions (5 	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB1 Bài 6A,B,C	

		p.49)			
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/ thực hành	2 tiết	- Tham khảo HLBB1 Bài 6 A,B,C	Luyện tập		
Tự học	5 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài 6 A,B,C	Ôn luyện	Làm bài tập ở nhà	
Tư vấn	5 tiết	Một số lá thư mẫu tiếng Anh			

TUẦN 11: Revise and check 5&6; Progress test 2

Hình	Thời	Nội dung chính	Mục tiêu	Yêu cầu	Ghi
------	------	----------------	----------	---------	-----

thức tổ chức dạy học	gian, địa điểm		cụ thể	SV chuẩn bị	chú
Lý thuyết	2 tiết 1 tiết	1. Revise and check 5&6 2. Progress test 2	SV nắm vững lý thuyết và làm được các bài tập liên quan đến nội dung bài học	- Tham khảo HLBB1 Bài Revise and check 5&6	
Thảo luận nhóm	1 tiết	Thảo luận về nội dung bài học	Củng cố kiến thức		
Bài tập/thực hành	1 tiết	- Bài tập HLBB1 Bài Revise and check 5&6	Luyện tập		
Tự học	5 tiết	Bài tập workbook HLBB1 Bài Revise and check 5&6	Ôn luyện	Làm bài tập	
KT-ĐG	1 tiết	Progress test 2			GV tự chuẩn bị
Tư vấn	5 tiết	Khó khăn khi làm bài thi kỹ năng Nghe hiểu		Trình bày khó khăn	

8. Chính sách đối với học phần

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên);
- Có đầy đủ học liệu học trên lớp theo quy định;
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tự học, chuẩn bị bài và tham gia nhiệt tình các hoạt động học tập trên lớp như: chú ý nghe giảng, phát biểu ý kiến xây dựng bài, tham gia thảo luận nhóm
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ;

9. Đánh giá và tính điểm học phần tiếng Anh 2

9.1. Đánh giá học phần: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra các kỹ năng), điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần (Kỹ năng Đọc hiểu và Viết theo hình thức trắc nghiệm trên giấy). Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra giữa kỳ do giảng viên giảng dạy trực tiếp chủ trì tổ chức kiểm tra và cho điểm đánh giá, điểm thi cuối kỳ do Nhà trường tổ chức.

Điểm đánh giá mỗi học phần được xác định: **Điểm học phần = 0,3 x điểm quá trình + 0,2 x điểm giữa kỳ + 0,5 x điểm thi kết thúc học phần.**

Trong đó:

- Điểm quá trình (điểm kiểm tra thường xuyên) là trung bình cộng của điểm chuyên cần và điểm kiểm tra các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết
- Điểm giữa kỳ là điểm kiểm tra đánh giá các kỹ năng: Nghe, Đọc, Viết

- Điểm thi kết thúc học phần là trung bình cộng điểm thi của các kỹ năng Đọc, Viết

9.2. Thi kết thúc học phần

- Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

- Hình thức thi: thi viết trên giấy

- Thời gian làm bài thi của mỗi kỹ năng được quy định trong ngân hàng đề thi.

9.3. Cách tính điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ (A; B; B+; C; C+; D; D+; F) và điểm hệ 4 theo quy định;

- Điểm học phần không đạt yêu cầu khi điểm thi kết thúc học phần dưới 3,0 điểm tính theo thang điểm 10;

- Sinh viên chưa đạt điểm quy định phải đăng ký học lại học phần;

- Sinh viên có điểm học phần đạt yêu cầu (D; D+) và điểm thi kết thúc học phần trên 3,0 điểm được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm học phần; nếu học lại sinh viên phải đăng ký học và đóng học phí theo quy định.

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 12 năm 2017

P.TRƯỞNG KHOA
(Đã ký)

TS.Nguyễn Thị Quyết

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Đã ký)

ThS. Nguyễn Huy Tậu

GV BIÊN SOẠN
(Đã ký)

ThS. Lê Hoàng Hương